

Đề bài:

*Giá trị nhân  
văn trong  
Chiếu dời đô.*

## Bài làm

*Chiếu dời đô* là một bài chiếu do Lí Công Uẩn viết năm 1010 nhằm thuyết phục mọi người về việc dời đô.

Lí Công Uẩn sinh năm 974, quê ở Từ Sơn (Bắc Ninh). Là người có chí lớn lại *khoan từ nhân thứ* (lời sư Vạn Hạnh), nên sau khi Lê Long Đĩnh mất, vua kế vị còn nhỏ không thể đảm đương trọng trách gánh vác giang sơn xã tắc, ông đã được các vị đại thần trong triều tôn lên ngôi hoàng đế.

Vốn thông minh bẩm sinh lại nhập thân văn hóa ở một vùng đất văn minh, văn hiến, là con nuôi của những vị cao tăng xuất chúng, Lí Công Uẩn thực sự là người con ưu tú của dân tộc. Ông đã cùng triều Lí làm rạng danh nước Đại Việt, viết nên những trang sử oanh liệt dựng nước và giữ nước.

Lí Công Uẩn (tức Lí Thái Tổ) khởi đầu sự nghiệp trị vì đất nước của mình bằng việc dời đô từ Hoa Lư về Đại La. Việc dời đô vốn đã là một sự kiện quan trọng và việc dời đô của Lí Thái Tổ càng in đậm dấu ấn trong lịch sử vì nó mở ra một giai đoạn phát triển phồn vinh của đất nước; hơn nữa nó lại gắn với một áng văn chương bất hủ: *Chiếu dời đô*.

Tiếp xúc với sáng văn chương kiệt tác này, không những ta được sống trong hào khí của một khát vọng cao cả và một khí phách anh hùng, mà còn được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của ánh sáng nhân văn.

Để hiểu rõ giá trị nhân văn cao đẹp của bài Chiếu, ta cần suy ngẫm kĩ xem vì sao Lí Thái Tổ quyết định dời đô? Việc dời đô của ông xuất phát từ những ý nguyện và quyền lợi của ai và nhằm mục đích gì?

Vậy vì sao mà Lí Thái Tổ quyết định dời đô?

Khi Lí Công Uẩn được suy tôn lên ngôi hoàng đế, triều đình vẫn còn đang đóng đô ở Hoa Lư. Kinh đô Hoa Lư nằm ở một vùng đất hẹp (thuộc tỉnh Ninh Bình ngày nay), địa thế hiểm trở chỉ tiện cho việc chống giữ mà không dễ bề phát triển. Với trí tuệ nhạy cảm, Lí Thái Tổ cảm nhận một cách sâu sắc và thấm thía những cái bất lợi của việc đóng đô ở đây. Nhìn lại hai triều trước, nhà Đinh chỉ tồn tại có 12 năm (968 – 980), nhà Lê chỉ tồn tại có 29 năm (980 – 1009). Số vận của họ mới ngắn ngủi làm sao! Số vận của một vương triều, đâu chỉ là vấn đề riêng của một dòng họ, nó có quan hệ mật thiết với sự suy thịnh, tồn vong của một quốc gia, dân tộc. Hơn nữa, nó còn quan hệ mật thiết với phận của trăm dân, muôn họ. Triều đình suy thì trăm họ cũng *phải hao tổn*. Điều đó khiến Lí Thái Tổ vô cùng đau xót: *Trẫm rất đau xót về việc đó*.

Nỗi lòng và tình cảm của hoàng đế Thái Tổ chính là tình cảm yêu nước thương dân tha thiết, sâu nặng của ông. Tâm lòng ấy khiến ông đi đến một quyết định đúng đắn và dứt khoát: dời đô!

Như vậy, lí do dời đô của Lí Thái Tổ xuất phát từ sự lo lắng cho sự an nguy, tồn vong, suy thịnh của giang sơn xã tắc, lo lắng cho số phận và hạnh phúc của nhân dân. Tấm lòng lo nghĩ cho nước, cho dân, há chẳng phải là biểu hiện của tư tưởng nhân văn đó sao?

Với một trí tuệ hiếm có và tầm nhìn khác thường, hoàng đế Thái Tổ thấy rõ lợi thế to lớn của thành Đại La. Đó là một vùng đất vừa thuận lợi về mặt địa lí để có thể phát triển kinh tế giàu mạnh khiến cho muôn dân được ấm no hạnh phúc: *Hướng gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương, ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi phải chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi.* Đồng văn hóa: *Thật là chốn hội tụ của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.*

Mục đích dời đô của Lí Thái Tổ không chỉ vì quyền lợi của dòng họ mình, cao hơn nữa là quyền lợi của quốc gia, dân tộc, nhân dân. Mục đích đó thật là cao đẹp và mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc!

Việc dời đô của Lí Thái Tổ vừa phù hợp với quy luật khách quan, vừa phù hợp với ý nguyện của muôn dân, trăm họ: *Trên theo mệnh trời, dưới theo ý dân.* Đó là xuất phát điểm và cũng là mục đích việc làm của một vị hoàng đế hoàng từ, nhân thứ.

Có thể nói, *Chiếu dời đô* đã phản ánh được khát vọng của nhân dân ta về một đất nước độc lập, thống nhất, hùng cường. Chính khát vọng ấy làm cho bài Chiếu thấm đẫm tinh thần nhân văn cao cả.

Đến tận hôm nay, ánh sáng nhân văn trong bài Chiếu vẫn tỏa sáng.